

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024

## BỘ TRƯỞNG

## BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ban hành theo Luật số 01/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ và phân công thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia về khoa học và công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Tiến hành Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024 theo Phương án được ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án được phê duyệt. Kinh phí thực hiện Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024 được lấy từ kinh phí thực hiện nhiệm vụ thống kê khoa học và công nghệ năm 2024 đã được Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các tổ chức KH&CN;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TTKHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Xuân Định**

## PHƯƠNG ÁN

### Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BKH-CN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024)

## 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

### 1.1. Mục đích điều tra

Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (NC&PT) của các tổ chức nghiên cứu và phát triển; cơ sở giáo dục đại học; các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ; các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; các doanh nghiệp; các tổ chức khác có hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm mục đích thu thập thông tin về NC&PT của quốc gia phục vụ đánh giá, xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch khoa học và công nghệ.

Điều tra NC&PT đáp ứng yêu cầu cung cấp số liệu để:

- Đánh giá thực trạng, phân tích xu hướng thay đổi, xây dựng kế hoạch, chiến lược về NC&PT trên phạm vi cả nước, theo các Bộ, ngành cũng như các địa phương;
- Đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, Luật Khoa học và Công nghệ, các kế hoạch, chương trình về NC&PT. Phục vụ so sánh quốc tế về các chỉ tiêu thống kê NC&PT;
- Xây dựng cơ sở dữ liệu về NC&PT của Việt Nam phục vụ các phân tích chuyên sâu và làm tiền đề cho các cuộc điều tra của các năm tiếp theo.

### 1.2. Yêu cầu điều tra

Điều tra NC&PT phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án điều tra.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.
- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; bảo đảm tính so sánh quốc tế.

## **2. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA**

### **2.1. Phạm vi điều tra**

- Tất cả các đơn vị thuộc đối tượng trên ở phạm vi cả nước.
- Phạm vi lĩnh vực: tất cả các lĩnh vực NC&PT theo Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

- + Khoa học tự nhiên;
- + Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- + Khoa học y, dược;
- + Khoa học nông nghiệp;
- + Khoa học xã hội;
- + Khoa học nhân văn.

### **2.2. Đối tượng và đơn vị điều tra**

Đối tượng điều tra, đồng thời là đơn vị điều tra của Điều tra NC&PT là:

(1) Các tổ chức khoa học và công nghệ:

- Tổ chức NC&PT (viện hàn lâm, viện/trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và cơ sở nghiên cứu và phát triển khác);

- Cơ sở giáo dục đại học: gồm đại học, trường đại học, học viện (các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc trường được coi như đơn vị trường đại học). Trường cao đẳng;

- Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ (các trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm... về: thông tin, thư viện; bảo tàng khoa học và công nghệ; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho khoa học và công nghệ; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về khoa học và công nghệ; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ...).

(2) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT;

(3) Các Hội có hoạt động NC&PT;

(4) Các doanh nghiệp có hoạt động NC&PT;

Các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng không thuộc đối tượng của cuộc điều tra này.

## **3. LOẠI ĐIỀU TRA**

Là cuộc điều tra toàn bộ kết hợp điều tra chọn mẫu các tổ chức có hoạt động NC&PT (triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ) trên phạm vi cả nước.

## **4. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA ĐIỀU TRA**

### **4.1. Thời điểm, thời kỳ điều tra**

- Thời điểm bắt đầu điều tra là ngày 01/7/2024. Những chỉ tiêu thu thập theo thời điểm được lấy thông tin theo số thực tế có tại ngày 31/12/2023.

- Thời kỳ điều tra: những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ được lấy thông tin trong vòng 1 năm, từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

### **4.2. Thời gian điều tra**

Thời gian thu thập thông tin là 31 ngày kể từ ngày 01/7/2024 đến 31/7/2024.

### **4.3. Phương pháp điều tra**

Theo hai phương pháp: điều tra trực tiếp và điều tra gián tiếp để thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra.

Phương pháp trực tiếp: điều tra viên trực tiếp đến các đơn vị điều tra gặp cán bộ được phân công của các đơn vị giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung và cùng với cán bộ của đơn vị thu thập, tính toán số liệu để ghi vào phiếu điều tra. Phương pháp này được áp dụng với đa số đơn vị điều tra.

Phương pháp gián tiếp: tổ chức hội nghị tập huấn giới thiệu mục đích, ý nghĩa, nội dung cách ghi phiếu và yêu cầu đơn vị điều tra gửi phiếu điều tra về cơ quan điều tra theo đúng nội dung và thời gian quy định của Phương án điều tra. Phương pháp này áp dụng khi điều tra viên khó tiếp cận với đơn vị điều tra.

Bên cạnh đó, cuộc điều tra năm nay sẽ thí điểm áp dụng hình thức thu thập thông tin ứng dụng công nghệ thông tin đối với một số đơn vị điều tra. Các đơn vị điều tra tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: mỗi đơn vị được Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia cung cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự cung cấp thông tin vào phiếu webform (phiếu điều tra trực tuyến) trên trang thông tin điện tử bắt đầu từ ngày 01/7/2024.

Để thực hiện thuận lợi điều tra trực tiếp điều tra viên cần tuyển chọn là cán bộ điều tra có kinh nghiệm trong lĩnh vực điều tra thống kê.

## **5. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA**

### **5.1. Nội dung điều tra**

Nội dung điều tra tập trung phục vụ các chỉ tiêu:

*Các chỉ tiêu trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021:*

- Chỉ tiêu 1403: số người hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;
- Chỉ tiêu 1406: chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

*Các chỉ tiêu Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành khoa học và công nghệ:*

- Chỉ tiêu 0201: số cán bộ nghiên cứu;
- Chỉ tiêu 0401: số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt mới;
- Chỉ tiêu 0402: số nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu;
- Chỉ tiêu 0403: số nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã đưa vào ứng dụng;
- Chỉ tiêu 0405: số người được đào tạo thông qua nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

**a. Nhóm thông tin chung về đơn vị bao gồm:**

- Tên đơn vị;
- Địa chỉ;
- Loại hình tổ chức;
- Loại hình kinh tế;
- Cơ quan chủ quản;
- Lĩnh vực hoạt động KH&CN chủ yếu của đơn vị.

**b. Nhóm thông tin về nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

- Nhân lực NC&PT chia theo vị trí hoạt động (cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật và nhân viên hỗ trợ), giới tính, dân tộc;
- Cán bộ nghiên cứu chia theo trình độ chuyên môn, chức danh, giới tính, lĩnh vực nghiên cứu.

**c. Nhóm thông tin về hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

- Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo cấp quản lý;
- Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT.

**d. Nhóm thông tin về chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

- Chi cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí;
- Chi cho hoạt động NC&PT chia theo loại chi;
- Chi cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu.

## 5.2. Phiếu điều tra

Cuộc điều tra sử dụng 01 loại phiếu điều tra “Phiếu NCPT/2024: phiếu thu thập thông tin nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024.

## 6. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

a) Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ, Bảng phân loại mục tiêu kinh tế - xã hội của hoạt động khoa học và công nghệ, Bảng phân loại dạng hoạt động khoa học và công nghệ, ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKH&CN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

b) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra.

## 7. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐẦU RA CỦA ĐIỀU TRA

### 7.1. Quy trình xử lý thông tin

Mã số của các đơn vị được ghi thủ công theo khu vực thực hiện hoạt động NC&PT.

**Phương pháp nhập tin:** cuộc điều tra được xử lý tổng hợp tập trung bằng máy tính, nhập tin bằng bàn phím trên phần mềm do Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia phát triển.

**Quy trình và cách thức tổng hợp dữ liệu:** các Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Tổ chức cán bộ (đại diện cho các Bộ, ngành), các Sở Khoa học và Công nghệ (đại diện cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) có trách nhiệm thu thập phiếu điều tra trên địa bàn, lĩnh vực quản lý của mình, kiểm tra, đối chiếu số liệu trước khi nộp về cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo và triển khai công tác xử lý toàn bộ số liệu điều tra NC&PT năm 2024.

Dữ liệu sẽ được tổng hợp tự động theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

### 7.2 Biểu đầu ra

Các biểu tổng hợp kết quả điều tra được thể hiện trong phần phụ lục.

## 8. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

### 8.1. Thời gian thực hiện các công việc chuẩn bị tiến hành điều tra

*Tháng 2-4/2024:* xây dựng phương án, mẫu phiếu điều tra.

*Tháng 4-5/2024:* gửi thẩm định đến Tổng cục Thống kê.

*Tháng 5-6/2024:* tiếp thu, hoàn thiện phương án và trình Lãnh đạo Bộ ký Quyết định phê duyệt Phương án điều tra.

*Tháng 6/2024:* lập danh sách đối tượng, đơn vị điều tra; Tổ chức tập huấn điều tra cho các đầu mối và điều tra viên.

*Tháng 7/2024:* điều tra, thu thập thông tin.

*Tháng 8/2024:* nghiệm thu, làm sạch phiếu điều tra.

*Tháng 9-12/2024:* Nhập tin phiếu điều tra; xử lý, tổng hợp kết quả điều tra, biên soạn kết quả điều tra; viết các báo cáo tổng hợp, phân tích kết quả điều tra của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước...

## **8.2. Lập danh sách các đơn vị điều tra.**

Trên cơ sở đối tượng điều tra được xác định, tiến hành lập danh sách đơn vị điều tra.

Đối với các tổ chức có hoạt động NC&PT, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ gửi công văn đến các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị - xã hội yêu cầu lập danh sách các tổ chức này. Trên cơ sở đó sẽ lập bảng danh sách đơn vị điều tra cho từng bộ/ngành, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương nhằm vừa bảo đảm cho việc điều tra thu thập thông tin đúng đối tượng, không bỏ sót, trùng lặp, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị và tổ chức điều hành.

## **8.3. Cập nhật danh sách các đơn vị điều tra**

Trong tháng 6/2024 và trong quá trình điều tra, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia phối hợp với các cơ quan liên quan, các Bộ, ngành, các Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức rà soát, cập nhật theo địa bàn và danh sách các đơn vị điều tra. Trong khi rà soát, cập nhật cần đặc biệt chú ý đến những đơn vị có hoạt động NC&PT mới được chia tách, sáp nhập, được chuyển đổi, thành lập mới sau thời điểm lập bảng kê.

## **8.4. Tập huấn cán bộ chỉ đạo và điều tra viên**

Tổ chức các lớp tập huấn cho điều tra viên cấp Bộ, ngành, tỉnh ở 2 miền Bắc và Nam. Thời gian mỗi lớp là 01 ngày.

## **8.5. Hoạt động tuyên truyền**

a) Hoạt động tuyên truyền cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung chính và kế hoạch thực hiện Điều tra NC&PT năm 2024 đến các cấp, các ngành và cộng đồng khoa học.

Tổ công tác triển khai Điều tra NC&PT năm 2024 huy động tối đa các hình thức tuyên truyền như: các phương tiện thông tin đại chúng (báo viết, báo điện tử, bản



tin, website) thực hiện tuyên truyền sâu rộng để các đơn vị thuộc đối tượng điều tra tích cực hưởng ứng cuộc Điều tra.

b) Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chuẩn bị điều kiện vật chất cần thiết (làm website về các nội dung cơ bản cuộc Điều tra, trong đó có mục hỏi/đáp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thực hiện thu thập thông tin, cách trả lời phiếu điều tra) cung cấp cho Tổ công tác để tuyên truyền, phổ biến về cuộc Điều tra NC&PT năm 2024.

### **8.6. Triển khai thu thập số liệu**

Thu thập số liệu được bắt đầu vào sáng ngày 01/7/2024.

Cần thông báo trước cho các đơn vị được điều tra và các đối tượng điều tra viên cần gặp về ngày, giờ điều tra viên đến điều tra.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chưa rõ, điều tra viên cần gợi ý để đơn vị kiểm tra và cung cấp hoặc giải thích để hoàn thiện phiếu điều tra. Điều tra viên chỉ ghi vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là các số liệu về kinh phí và nhân lực cho NC&PT. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý ghi chép vào phiếu những thông tin giả tạo, sai sự thật dưới mọi hình thức.

### **8.7. Xử lý tổng hợp và công bố kết quả điều tra**

Tổ công tác giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia tổ chức, chỉ đạo và triển khai công tác xử lý toàn bộ số liệu điều tra NC&PT năm 2024. Dữ liệu sẽ được xử lý và tổng hợp theo các biểu đầu ra bằng phần mềm.

Thông tin về kết quả Điều tra do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố theo quy định của pháp luật.

Kết quả chính thức công bố vào cuối năm 2024.

## **9. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA**

### **9.1 Thành lập Tổ công tác triển khai Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ 2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Tổ công tác triển khai Điều tra nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ năm 2024 (Tổ công tác) có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án, chỉ đạo triển khai thực hiện cuộc điều tra. Tổ công tác do một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Tổ trưởng, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia làm Phó tổ trưởng, các thành viên là Lãnh đạo các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính, Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Công nghệ cao, Ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ (Bộ Khoa học và Công nghệ) và Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (Tổng cục Thống kê – Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện thực hiện Điều tra NC&PT năm 2024 theo đúng kế hoạch, nội dung và phương án quy định. Địa chỉ liên lạc:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 024-38256143, Fax: 024-39349127

Email: dqkhai@vista.gov.vn

## **9.2. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra**

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, Tổ công tác có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc giám sát, kiểm tra kết hợp thanh tra thường xuyên hoặc đột xuất trong suốt thời gian từ khâu lập bảng kê, tập huấn đến thu thập, tổng hợp nhanh số liệu điều tra tại các địa bàn.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: giám sát, kiểm tra, thanh tra việc lập bảng kê các đơn vị điều tra, tham gia các lớp tập huấn, số lượng và chất lượng phiếu, cách hỏi và ghi phiếu của từng điều tra viên, tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, kiểm tra số học, đơn vị tính, đánh mã, các thủ tục hành chính, kiểm tra thực địa tại địa bàn,...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất, kiểm tra trọng điểm, tổng kiểm tra trước khi nghiệm thu. Tổ công tác kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra tại các ngành, địa phương để phát hiện và giải quyết tại chỗ, kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

Nhằm bảo đảm chất lượng của thông tin thu thập tại địa bàn trước khi nghiệm thu, bàn giao, điều tra viên phải đặc biệt lưu ý đến trách nhiệm kiểm tra tất cả các phiếu điều tra cả về nội dung, phương pháp tính, tính logic, kiểm tra số học, các quy định hành chính bắt buộc (chữ ký, dấu).

Tổ công tác giao Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thực hiện phúc tra theo đúng quy trình phúc tra nhằm phát hiện những sai sót trong quá trình thu thập thông tin, đánh giá chất lượng điều tra và công bố độ tin cậy số liệu cho người sử dụng thông tin.

## **9.3. Tổ chức nghiệm thu phiếu ở các cấp**

Nghiệm thu giữa Tổ công tác, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và các bộ, ngành, địa phương: Tổ công tác, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia trực tiếp nghiệm thu phiếu điều tra của các bộ, ngành, địa phương. Thời gian

nghiệm thu từ ngày 01 đến 31 tháng 8 năm 2024; ở mỗi bộ, ngành, địa phương từ 1- 2 ngày tùy theo số lượng đơn vị điều tra và chất lượng phiếu điều tra.

Nội dung nghiệm thu bao gồm: số lượng phiếu đã điều tra theo từng loại phiếu, chất lượng số liệu và chất lượng phiếu. Các thành phần tham gia nghiệm thu ký vào biên bản nghiệm thu và chịu trách nhiệm về kết quả đã nghiệm thu.

## **10. KINH PHÍ**

Kinh phí triển khai Điều tra NC&PT năm 2024 từ nguồn ngân sách Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Chế độ chi triển khai Điều tra NC&PT năm 2024 được thực hiện theo Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

Tổ công tác, Cục trưởng Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo chế độ tài chính hiện hành, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN  
CÔNG NGHỆ NĂM 2024

(Thực hiện Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Điều tra Nghiên cứu khoa học và Phát triển công nghệ năm 2024, những điều ghi trên phiếu được bảo mật theo Luật Thống kê)

## PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ

## 1. Thông tin về đơn vị

1.1. Tên đơn vị:.....

1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có):.....

1.3. Địa chỉ:.....

Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

1.4. Phương tiện liên lạc:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

## 2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp đối với học hàm/ học vị)

2.1. Họ và tên thủ trưởng: .....

2.2. Học vị:  Tiến sĩ  Thạc sĩ  Đại học  Khác 2.3. Học hàm:  Giáo sư  Phó giáo sư

2.4. Giới tính:  Nam  Nữ

2.5. Thông tin liên lạc (nếu là số ĐT cố định ghi cả mã vùng): Điện thoại:.....

Di động:..... Email: .....

## 3. Loại hình tổ chức (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

1. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ  2. Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng
3. Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ  4. Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác
5. Doanh nghiệp

## 4. Loại hình kinh tế (Đánh dấu X vào 1 mục phù hợp nhất)

1. Nhà nước  2. Ngoài nhà nước  3. Có vốn đầu tư nước ngoài

## 5. Tổ chức quản lý trực tiếp .....

## 6. Cơ quan chủ quản (là các bộ, cơ quan Trung ương, địa phương)

## 7. Lĩnh vực hoạt động KH&amp;CN chủ yếu của đơn vị (Chỉ chọn 1 lĩnh vực hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất của đơn vị)

1. Khoa học tự nhiên
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ
3. Khoa học y, dược
4. Khoa học nông nghiệp
5. Khoa học xã hội
6. Khoa học nhân văn

**PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

(Số liệu tại thời điểm 31/12/2023)

**1. Nhân lực tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo vị trí hoạt động** (Đối với các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển chuyên trách, ghi toàn bộ số nhân lực của đơn vị, kể cả những người làm trong khu vực hành chính, nhưng không tính những người chỉ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các bộ phận chuyên sản xuất, kinh doanh (nhưng nếu có thực hiện sản xuất thử nghiệm thì vẫn tính vào nhân lực NC&PT))

(Đơn vị tính: người)

Nhân lực	Mã số	Số lượng	Trong đó		
			Nữ	Dưới 35 tuổi	Dân tộc ít người
1. Cán bộ nghiên cứu (có trình độ cao đẳng trở lên, dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT)	01				
2. Nhân viên kỹ thuật (gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp, sơ cấp và tương đương)	02				
3. Nhân viên hỗ trợ (là các nhân viên hành chính và văn phòng)	03				
<b>Tổng số (04=01+02+03)</b>	<b>04</b>				

**2. Cán bộ nghiên cứu của đơn vị** (Phần này chỉ tính những người đã được được tính trong Mục 1 của Bảng 1)

**2.1. Chia theo trình độ chuyên môn và chức danh** (Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên. Đối với viện, trung tâm chuyên thực hiện NC&PT, cán bộ nghiên cứu gồm tất cả những cán bộ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, dành tối thiểu 10% thời gian tham gia hoặc phục vụ công tác NC&PT)

(Đơn vị tính: người)

Cán bộ nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
<b>1. Chia theo trình độ (01=02+03+04+05)</b>	<b>01</b>		
1.1 Tiến sĩ	02		
1.2 Thạc sĩ	03		
1.3 Đại học	04		
1.4 Cao đẳng	05		
<b>2. Chức danh (06=07+08)</b>	<b>06</b>		
2.1 Giáo sư	07		
2.2 Phó giáo sư	08		

**2.2. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu** (Lưu ý phân theo lĩnh vực mà họ đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo)

(Đơn vị tính: người)

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Số lượng	Trong đó: Nữ
1. Khoa học tự nhiên	01		
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02		
3. Khoa học y, dược	03		
4. Khoa học nông nghiệp	04		
5. Khoa học xã hội	05		
6. Khoa học nhân văn	06		
<b>Tổng số (07 = 01+...+06)</b>	<b>07</b>		

(Ghi chú: Mục tổng số của bảng này phải bằng số lượng của mục 1 của Bảng 1 và mục 1 của Bảng 2)

**PHẦN III: HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

(Trong năm 2023)

**1. Hoạt động NC&PT** (Chỉ tính số nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì thực hiện)

Nhiệm vụ KH&CN do đơn vị chủ trì	Mã số	Tổng số nhiệm vụ thực hiện trong năm	Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách	Chia ra:		Trong đó: Số nhiệm vụ được nghiệm thu trong năm	Trong đó: Số nhiệm vụ được ứng dụng (giai đoạn 2022-2023)
				Số chuyển tiếp từ năm trước	Số được phê duyệt mới trong năm		
A	B	1 = 3+4	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ NHIỆM VỤ (01=02+...+06)</b> <b>Chia theo cấp quản lý</b>	<b>01</b>						
- Cấp quốc gia	02						
- Cấp bộ	03						
- Cấp tỉnh	04						
- Cấp cơ sở	05						
- Khác	06						

**2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT**

Loại sản phẩm	Đơn vị	Tổng số
1. Số công nghệ mới/cải tiến đã được tạo ra/nâng cấp trong năm	Công nghệ	
- Trong đó: Số công nghệ mới/cải tiến đã được chuyển giao vào sản xuất	Công nghệ	
2. Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu	Triệu đồng	
3. Số đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích	Đơn	
4. Số văn bằng bảo hộ được cấp	Văn bằng	
5. Số bài báo khoa học được công bố (trong nước và quốc tế)	Bài báo	
6. Số tiến sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	
7. Số thạc sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	Người	

**PHẦN IV: THÔNG TIN VỀ CHI CHO NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

(Trong năm 2023)

**1. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí**

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Nguồn cấp kinh phí	Mã số	Tổng chi
<b>1. Ngân sách nhà nước (01=02+03)</b>	<b>01</b>	
1.1 Ngân sách Trung ương	02	
1.2 Ngân sách địa phương	03	
<b>2. Ngoài ngân sách nhà nước (04=05+06+07)</b>	<b>04</b>	
2.1 Từ nguồn doanh nghiệp	05	
2.2 Từ nguồn tự có	06	
2.3 Từ nguồn khác	07	
<b>3. Nước ngoài</b>	<b>08</b>	
<b>Tổng số (09=01+04+08)</b>	<b>09</b>	

**2. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo loại chi***(Đơn vị tính: triệu đồng)*

Loại chi	Mã số	Tổng chi
<b>1. Chi đầu tư phát triển KH&amp;CN</b>	<b>01</b>	
<b>2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&amp;CN (02=03+...+07)</b>	<b>02</b>	
- Cấp quốc gia	03	
- Cấp bộ	04	
- Cấp tỉnh	05	
- Cấp cơ sở	06	
- Khác	07	
<b>3. Chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác</b>	<b>08</b>	
<b>Tổng số (09= 01+02+08)</b>	<b>09</b>	

**3. Chi cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu***(Đơn vị tính: triệu đồng)*

Lĩnh vực nghiên cứu	Mã số	Tổng chi
1. Khoa học tự nhiên	01	
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ	02	
3. Khoa học y, dược	03	
4. Khoa học nông nghiệp	04	
5. Khoa học xã hội	05	
6. Khoa học nhân văn	06	
<b>Tổng số (07= 01+...+06)</b>	<b>07</b>	

*(Ghi chú: Phần “Tổng số” của các bảng trong phần này phải bằng nhau)***Người trả lời phiếu:**

....., ngày..... tháng..... năm 2024

Họ và tên:.....

**Thủ trưởng đơn vị**

Điện thoại:.....

*(Ký tên, đóng dấu)*

E-mail:.....

**Điều tra viên:**

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

E-mail:.....

**Thông tin liên hệ:**

Cục Thông tin KH&amp;CN quốc gia

24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Tel. (024) 38256143; Fax: (024) 39349127;

Email: [thongtin-thongke@vista.gov.vn](mailto:thongtin-thongke@vista.gov.vn)**Cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị !**

**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**HƯỚNG DẪN ĐIỀN PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**  
**VỀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NĂM 2024**

*Thời kỳ thu thập số liệu: Số liệu tính từ 01/01/2023 đến 31/12/2023*

**I. ĐỊNH NGHĨA NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN**

Hoạt động khoa học và công nghệ là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ.

Nghiên cứu khoa học là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn.

Phát triển công nghệ là hoạt động sử dụng kết quả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, thông qua việc triển khai thực nghiệm và sản xuất thử nghiệm để hoàn thiện công nghệ hiện có, tạo ra công nghệ mới.

**II. PHÂN BIỆT NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Các hoạt động liên quan tới KH&CN nhưng không được tính là nghiên cứu và phát triển bao gồm:

- Giáo dục và đào tạo;
- Các dịch vụ KH&CN/Các hoạt động KH&CN khác;
- Các hoạt động công nghiệp khác;
- Các hoạt động quản trị và hỗ trợ;
- Thu thập dữ liệu vì mục đích chung;
- Tiêu chuẩn và đo lường;
- Nghiên cứu khả thi;
- Chăm sóc sức khỏe đặc biệt;
- Công tác sở hữu trí tuệ;
- Phát triển phần mềm thông thường.

Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công



nghệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn:

- Các dịch vụ KH&CN của thư viện, lưu trữ, trung tâm thông tin và tư liệu, các đơn vị tra cứu, trung tâm hội nghị khoa học, ngân hàng dữ liệu và các cơ quan xử lý thông tin;
- Các dịch vụ KH&CN của các viện bảo tàng khoa học và/hoặc công nghệ, vườn thực vật và vườn thú và các bộ sưu tập khoa học khác (nhân chủng học, khảo cổ học, địa chất....);
- Công việc có tính hệ thống về dịch thuật, hiệu đính các loại sách và tạp chí KH&CN (trừ sách giáo khoa phổ thông và giáo trình đại học);
- Các cuộc điều tra về địa hình, địa chất và thủy văn; các quan trắc thường xuyên về thiên văn, khí tượng, địa chấn; điều tra về thổ nhưỡng và thực vật, các nguồn tài nguyên hoang dã; kiểm tra đất, nước, không khí; kiểm tra thường nhật và quan trắc mức phóng xạ;
- Điều tra thăm dò và các công việc liên quan nhằm định vị và xác định tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ;
- Thu thập thông tin về nhân loại, các hiện tượng xã hội, kinh tế và văn hóa, tập hợp những thông tin thống kê thường ngày như điều tra dân số, thống kê sản lượng, phân phối và tiêu thụ, nghiên cứu thị trường, thống kê xã hội và văn hóa, v.v.
- Kiểm định, tiêu chuẩn hóa, đo lường và kiểm soát chất lượng: công việc thường xuyên về phân tích, kiểm tra, kiểm nghiệm bằng những biện pháp được công nhận các vật liệu, sản phẩm, thiết bị và quy trình, cùng với việc thiết lập và duy trì các tiêu chuẩn và chuẩn đo lường;
- Công việc thường xuyên hàng ngày để tư vấn cho khách hàng, các bộ phận khác của tổ chức hoặc người dùng độc lập, được thiết kế để giúp họ tận dụng thông tin khoa học, công nghệ và quản lý. Hoạt động này cũng bao hàm các dịch vụ khuyến nông, khuyến công và tư vấn do nhà nước tổ chức cho nông dân và ngành công nghiệp mà không bao gồm các hoạt động thông thường trong lập kế hoạch dự án hoặc các phòng kỹ thuật;
- Các hoạt động liên quan đến bằng sáng chế và li xăng: công việc có tính hệ thống có bản chất khoa học, luật pháp và hành chính về bằng sáng chế và li xăng của các cơ quan nhà nước tiến hành.

Để xác định rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, UNESCO đưa ra 4 yếu tố căn bản để xác định hoạt động nào là nghiên cứu khoa học là:

- Tính sáng tạo;
- Tính mới/đổi mới;
- Sử dụng phương pháp khoa học;
- Tạo ra những tri thức mới.

### **III. HƯỚNG DẪN CHI TIẾT**

#### **PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ**

##### **1. Thông tin về đơn vị**

###### **1.1. Tên đơn vị**

Ghi tên đầy đủ của đơn vị như trong Quyết định thành lập hoặc trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN. Không viết tắt các từ trong tên trừ khi đó là những từ viết tắt có trong tên của đơn vị.

Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu tiên và của từ đầu tiên của từng cụm từ. Ví dụ:

*Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia*

*Viện Công nghệ Thông tin*

Nếu tên đơn vị có chứa thành phần là tên riêng của người hoặc địa danh, viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của tên riêng của người và địa danh. Ví dụ:

*Trường Đại học Bách khoa Hà Nội*

###### **1.2. Tên giao dịch viết tắt (nếu có)**

Ghi tên viết tắt thường được sử dụng trong giao dịch. Nếu tên giao dịch được viết bằng các chữ cái đầu của các từ của tên thì viết các chữ cái bằng chữ in hoa và không để khoảng trống ở giữa chúng. Ví dụ:

*NASATI IOIT*

Không dùng dấu chấm để phân cách các chữ cái viết tắt (N.A.S.A.T.I, I.O.I.T).

###### **1.3. Địa chỉ**

Ghi tách thành hai phần:

- Số nhà, đường phố, phường, quận/huyện hoặc thôn, xã, huyện;
- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ví dụ:

*Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia*

*Địa chỉ: 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm Tỉnh/Tp: Hà Nội*

Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không ghi thêm chữ tỉnh hoặc tp. (hoặc thành phố) trừ trường hợp thành phố Hồ Chí Minh, ví dụ:

*Hà Nội; Thái Bình Đà Nẵng Tp. Hồ Chí Minh*

Ví dụ: Trung tâm Thông tin KH&CN Tp. Hồ Chí Minh

*Địa chỉ: 79 Trương Định, Quận 1 Tỉnh/Tp: Tp. Hồ Chí Minh (Không ghi: Hồ Chí Minh)*

#### **1.4. Phương tiện liên lạc**

**Điện thoại và fax:** ghi cả mã vùng và số điện thoại/fax riêng.

Phân cách mã vùng và số điện thoại/fax bằng dấu cách. Không cần phân cách các số thành các nhóm số.

*024 39349923 không ghi 024 3934 9923 hoặc 024-3934-9923*

**Email:** Ghi địa chỉ Email của cơ quan nếu có. Trường hợp không có email chung của cơ quan, ghi địa chỉ email của Thủ trưởng đơn vị.

*nguyenvana@vista.gov.vn*

**Website:** Ghi địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị báo cáo nếu có. Ví dụ:

*http://www.vista.gov.vn*

#### **2. Thông tin về thủ trưởng đơn vị**

Ghi rõ họ và tên của thủ trưởng cơ quan/người đứng đầu đơn vị. Đánh dấu vào học hàm/học vị phù hợp và ghi đầy đủ thông tin liên hệ.

#### **3. Loại hình tổ chức**

Đánh dấu “X” vào 1 loại hình tổ chức phù hợp nhất.

- 1. Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ
- 2. Cơ sở giáo dục đại học
- 3. Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ
- 4. Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác
- 5. Doanh nghiệp

Cụ thể:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bao gồm: viện hàn lâm, viện/trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thử nghiệm và cơ sở nghiên cứu và phát triển khác;

- Cơ sở giáo dục đại học bao gồm: đại học, trường đại học, học viện (các viện, trung tâm nghiên cứu thuộc trường được coi như đơn vị trường đại học), trường cao đẳng;

- Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ bao gồm: các trung tâm, văn phòng, phòng thử nghiệm,... về: Thông tin, thư viện; bảo tàng KH&CN; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho

KH&CN; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về KH&CN; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ;...;

- Cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp khác bao gồm: các cơ quan hành chính và quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT;

- Doanh nghiệp có hoạt động NC&PT.

#### 4. Loại hình kinh tế

Đánh dấu “X” vào 1 loại hình kinh tế phù hợp nhất.

1. Nhà nước       2. Ngoài nhà nước       3. Có vốn đầu tư nước ngoài

#### 5. Tổ chức quản lý trực tiếp

Ghi tên đơn vị/tổ chức cấp trên trực tiếp quản lý của đơn vị, ví dụ:

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, thì ghi cơ quan quản lý trực tiếp là Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam;

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là Viện Nghiên cứu hạt nhân thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, Bộ KH&CN, thì cơ quan quản lý trực tiếp của Viện Nghiên cứu hạt nhân là Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam;

- Nếu doanh nghiệp không có cơ quan quản lý trực tiếp thì ghi “Không”.

#### 6. Cơ quan chủ quản

- Nếu đơn vị trả lời phiếu thuộc Bộ/ngành, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao thì ghi tên Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là chủ quản của đơn vị đó. Ví dụ:

*Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công thương; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*

- Nếu đơn vị trả lời phiếu là do tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, ghi: UBND và tên tỉnh hoặc Tp. trực thuộc Trung ương chủ quản. Ví dụ:

*UBND Tp. Hà Nội; UBND Tp. Hồ Chí Minh; UBND tỉnh Hà Nam*

- Nếu là thuộc cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, chính trị-xã hội, xã hội nghề nghiệp thì ghi tên cơ quan trung ương của tổ chức đó. Ví dụ:

*Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam*

*Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*

*Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam*

- Nếu cơ quan chủ quản là tập đoàn, tổng công ty Nhà nước trực thuộc Chính phủ, ghi tên tập đoàn, tổng công ty chủ quản.

- Nếu doanh nghiệp không có cơ quan chủ quản thì ghi “Không”.

## **7. Lĩnh vực hoạt động KH&CN chủ yếu của đơn vị**

Lựa chọn lĩnh vực hoạt động của đơn vị theo danh mục trong Bảng phân loại Lĩnh vực nghiên cứu KH&CN Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN (6 lĩnh vực hoạt động chính). Nếu có nhiều lĩnh vực hoạt động, xin chọn lĩnh vực hoạt động chiếm tỷ trọng lớn nhất của đơn vị.

## **PHẦN II: THÔNG TIN VỀ NHÂN LỰC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (Số liệu tại thời điểm 31/12/2023)**

### **1. Nhân lực trực tiếp tham gia hoạt động NC&PT của đơn vị chia theo vị trí hoạt động**

Là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (được thanh toán) cho dịch vụ của họ. Nguồn nhân lực này bao gồm: cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật và nhân viên hỗ trợ.

- **Cán bộ nghiên cứu:** là những cán bộ chuyên nghiệp có trình độ từ cao đẳng/đại học trở lên tham gia vào quá trình tạo ra tri thức, sản phẩm và quy trình mới, tạo ra phương pháp và hệ thống mới. (Đối với các tổ chức không phải là đơn vị NC&PT chuyên nghiệp thì cán bộ nghiên cứu là những người trực tiếp tham gia thực hiện các đề tài NC&PT); dành tối thiểu 10% thời gian cho hoạt động NC&PT. Nhóm này bao gồm cả những nhà quản lý trực tiếp hoạt động NC&PT.

- **Nhân viên kỹ thuật:** là những người thực hiện các công việc đòi hỏi phải có kinh nghiệm và hiểu biết kỹ thuật trong những lĩnh vực KH&CN và tham gia vào NC&PT bằng việc thực hiện những nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật có áp dụng những khái niệm và phương pháp vận hành dưới sự giám sát của các nhà nghiên cứu. Gồm kỹ thuật viên, nhân viên phòng thí nghiệm có trình độ Trung cấp, sơ cấp và tương đương.

- **Nhân viên hỗ trợ:** là những người có hoặc không có kỹ năng, nhân viên hành chính, văn phòng tham gia vào các dự án/đề tài NC&PT. Trong nhóm này bao gồm cả những người làm việc liên quan đến nhân sự, tài chính và hành chính trực tiếp phục vụ công việc NC&PT của các tổ chức NC&PT.

Những người làm công việc phục vụ gián tiếp như căng tin, tạp vụ, vệ sinh, lái xe, bảo vệ, thường trực,... thì không được coi là nhân lực NC&PT.

**Cách ghi cụ thể đối với từng nhóm đối tượng như sau:**

- Đối với các **Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**, ghi toàn bộ số nhân lực của đơn vị, kể cả những người làm trong khu vực hành chính, nhưng không tính những người chỉ tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các bộ phận chuyên sản

xuất, kinh doanh (nhưng nếu có thực hiện sản xuất thử nghiệm thì vẫn tính vào nhân lực NC&PT).

- Đối với **Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng**: cán bộ NC&PT là những người thuộc các viện/trung tâm chuyên nghiên cứu của trường. Ngoài ra còn bao gồm cả cán bộ giảng dạy có làm NC&PT nhưng phải dành nhiều hơn 10% thời gian cho NC&PT. Nếu dưới 10% thì không tính là cán bộ NC&PT.

- Đối với các **Tổ chức dịch vụ KH&CN** (Thông tin, thư viện; bảo tàng KH&CN; dịch thuật, biên tập, xuất bản cho KH&CN; điều tra cơ bản định kỳ, thường xuyên; thống kê, điều tra xã hội; tiêu chuẩn đo lường chất lượng; tư vấn về KH&CN; sở hữu trí tuệ; chuyển giao công nghệ;...), các **Cơ quan hành chính** (các Tổng cục, Cục, Sở KH&CN...), **các đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT** (các bệnh viện, các đơn vị sự nghiệp của bộ ngành, địa phương), **các doanh nghiệp có hoạt động NC&PT chỉ tính những người có tham gia nhiệm vụ KH&CN.**

**Chú ý xác định rõ số lương, số Nữ, số nhân lực KH&CN dưới 35 tuổi và là dân tộc ít người.**

## **2. Cán bộ nghiên cứu chia theo trình độ chuyên môn và chức danh**

Phần này chỉ tính những người đã được thống kê trong Mục 1 của Bảng 1 của Phiếu điều tra. Đây là những người có trình độ cao đẳng trở lên. Đối với viện, trung tâm chuyên thực hiện NC&PT, cán bộ nghiên cứu gồm tất cả những cán bộ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên, đối với trường đại học, cao đẳng, học viện là cán bộ giảng dạy và nghiên cứu dành tối thiểu 10% thời gian tham gia hoặc phục vụ công tác NC&PT. Đối với *cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác có hoạt động NC&PT* thì chỉ tính những người có tham gia nhiệm vụ KH&CN

Chia theo trình độ chuyên môn: Chia theo 4 trình độ: 1. Tiến sĩ; 2. Thạc sĩ; 3. Đại học; 4. Cao đẳng;

Trong đó bao gồm chức danh GS, PGS: Chỉ tính những người có chức danh Giáo sư và Phó giáo sư.

**Số lương trong mục (01) của bảng này phải bằng số lương trong mục (1) của bảng 1**

## **3. Số cán bộ nghiên cứu chia theo lĩnh vực nghiên cứu**

Phần này chỉ tính những người có trình độ cao đẳng trở lên, dựa vào lĩnh vực đang nghiên cứu, không phải theo chuyên ngành đào tạo. Điền chi tiết đến cấp 1 theo Bảng

phân loại Lĩnh vực nghiên cứu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHCN bao gồm:

- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội;
- Khoa học nhân văn.

**Số lượng trong mục tổng số (07) của bảng này phải bằng số lượng trong mục (01) của bảng 1.**

### **PHẦN III. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (trong năm 2023)**

#### **1. Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Chỉ tính những nhiệm vụ KH&CN mà đơn vị điền phiếu là cơ quan chủ trì nhiệm vụ; không tính những nhiệm vụ KH&CN mà đơn vị chỉ tham gia với tư cách cơ quan phối hợp để tránh trùng lặp.

**Chia theo cấp quản lý:** ghi số lượng nhiệm vụ theo cấp quản lý: cấp quốc gia; cấp bộ/ngành; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp cơ sở và cấp khác.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là những nhiệm vụ thuộc các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước, những đề tài độc lập cấp nhà nước hoặc những nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo nghị định thư. Những nhiệm vụ này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thực hiện hoặc phê duyệt danh mục.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ/ngành là những nhiệm vụ KH&CN do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ cơ quan thuộc chính phủ, lãnh đạo của cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội – nghề nghiệp quyết định thực hiện hoặc ủy quyền quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là những nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thực hiện hoặc ủy quyền quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là các nhiệm vụ do cơ quan, đơn vị quyết định thực hiện.

- Nhiệm vụ KH&CN khác: bao gồm nhiệm vụ KH&CN khác không nêu ở trên. Những loại này có thể bao gồm loại đề tài HTQT không phải Nghị định thư như các đề tài HTQT với nước ngoài, sử dụng kinh phí do ngoài nhà nước hoặc do nước ngoài cấp.

Tổng số nhiệm vụ 01 = 02+03+04+05+06.

## **2. Kết quả/sản phẩm của hoạt động NC&PT**

Kết quả của hoạt động NC&PT được phản ánh dưới các loại sản phẩm sau:

- Số công nghệ mới/cải tiến đã được tạo ra/nâng cấp trong năm: là số công nghệ lần đầu được tạo ra hoặc được nâng cấp trong năm của đơn vị.

- Số công nghệ mới/cải tiến đã chuyển giao vào sản xuất: là số công nghệ lần đầu được tạo ra hoặc được nâng cấp và được chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ công nghệ vào sản xuất. Đơn vị tính: công nghệ.

- Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu: là số tiền thu được từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc từ kết quả nghiên cứu. Đơn vị tính: triệu đồng.

- Số đơn đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích. Đơn vị tính: đơn.

- Số văn bằng bảo hộ được cấp. Đơn vị tính: văn bằng.

- Số bài báo khoa học được công bố (trong nước và quốc tế). Đơn vị tính: bài báo.

- Số tiến sĩ được đào tạo trong năm: là số người đã được nhận bằng tiến sĩ được đào tạo cả ở trong nước và nước ngoài nằm trong nội dung hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN. Đơn vị tính: người.

- Số thạc sĩ được đào tạo trong năm: là số người đã được nhận bằng thạc sĩ được đào tạo cả ở trong nước và nước ngoài nằm trong nội dung hoạt động của các nhiệm vụ KH&CN. Đơn vị tính: người.

## **PHẦN IV. THÔNG TIN VỀ CHI CHO HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (trong năm 2023)**

### **1. Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo nguồn cấp kinh phí**

Nguồn cấp kinh phí được chia thành 3 loại nguồn:

- Từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả các nguồn có tính chất ngân sách nhà nước), được chia thành ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách Trung ương bao gồm kinh phí cân đối từ Bộ KH&CN và từ các Bộ ngành. Ngân sách địa phương là nguồn được cân đối từ ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;



- Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước bao gồm từ nguồn doanh nghiệp và từ nguồn tự có;

- Từ nguồn nước ngoài.

Đơn vị tính: triệu đồng.

## 2. Chi phí cho NC&PT theo loại chi

• **Đối với Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**, tổ chức ngoài nhà nước có hoạt động nghiên cứu và phát triển (là đơn vị có chức năng chủ yếu là NC&PT): đó là mọi chi phí cho NC&PT, chi phí thường xuyên (như mua vật tư tiêu hao, văn phòng phẩm, thiết bị cho NC&PT, điện nước, nhiên liệu, tư liệu, tạp chí, bưu điện, quản lý...), lương của cán bộ, khấu hao, xây dựng cơ bản, thuê mướn đất đai, nhà xưởng, mua sắm thiết bị vật tư nghiên cứu của cơ quan. Tuy nhiên, không tính vào đây các chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển KH&CN là các khoản chi phát triển tiềm lực KH&CN, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức KH&CN không phân biệt thành phần kinh tế theo các nội dung sau:

+ Xây dựng mới, nâng cấp, tăng cường năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN bao gồm: Phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm thực nghiệm; trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn và đánh giá sự phù hợp; các cơ sở thiết kế, chế tạo, thử nghiệm chuyên dụng; các cơ sở ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng; thông tin và thống kê KH&CN; tổ chức trung gian của thị trường KH&CN;

+ Xây dựng khu nghiên cứu và phát triển cho các khu công nghệ cao;

+ Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KH&CN;

+ Các hoạt động đầu tư khác phục vụ phát triển KH&CN.

- Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm các mục sau:

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Nhiệm vụ KH&CN khác.

- Chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác bao gồm: chi hoạt động bộ máy, chi tiền lương tiền công và các khoản chi khác ngoài các khoản chi trên.

Đơn vị tính: triệu đồng.

• **Đối với Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và Tổ chức dịch vụ KH&CN:**

+ Đối với Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng: chỉ tính các chi phí thực hiện đề tài nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu sinh cấp tiến sĩ. Bao gồm cả các chi phí cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu do Nhà nước cấp, thực hiện theo hợp đồng với cơ quan ngoài, nhận từ các dự án của nước ngoài, tổ chức quốc tế, không tính chi phí cho công tác giảng dạy, đào tạo sinh viên, xây dựng trường sở,... Chi phí cho thư viện nhà trường, xây dựng trung tâm máy tính phục vụ đào tạo sẽ không tính vào chi phí cho NC&PT.

+ Đối với Tổ chức dịch vụ KH&CN: chỉ tính các chi phí thực hiện hoạt động NC&PT.

Cụ thể, chi phí cho NC&PT của hai nhóm đối tượng này bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển cho KH&CN;

- Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN bao gồm:

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Nhiệm vụ KH&CN khác.

- Chi khác cho nghiên cứu và phát triển: là các khoản chi phục vụ hoạt động NC&PT không thuộc các khoản chi trên.

Đơn vị tính: triệu đồng.

• **Đối với Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp khác, doanh nghiệp có hoạt động NC&PT**: chỉ tính chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển bao gồm chi phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, cụ thể bao gồm:

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp bộ;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh/thành phố;

+ Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở;

+ Nhiệm vụ KH&CN khác.

Đơn vị tính: triệu đồng.

**3. Chi phí cho hoạt động NC&PT chia theo lĩnh vực nghiên cứu**

Tổng chi cho NC&PT là tổng chi phí trong đề thực hiện công việc NC&PT tại đơn vị thống kê, không phân biệt nguồn kinh phí. Đó là chi phí mà một đơn vị đã nhận từ các

nguồn khác nhau (không phân biệt nguồn cấp hay xuất xứ) để tiến hành hoạt động NC&PT (kể cả chi phí cho nghiên cứu làm thuê cho các cơ quan ngoài). Tuy nhiên, chi phí này không bao gồm các chi phí dành cho NC&PT nhưng không do chính đơn vị thống kê thực hiện (ví dụ, chuyển cho cơ quan ngoài thực hiện).

Chi phí cho NC&PT chia theo các lĩnh vực nghiên cứu sau:

- Khoa học tự nhiên;
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Khoa học y, dược;
- Khoa học nông nghiệp;
- Khoa học xã hội;
- Khoa học nhân văn.

Đơn vị tính: triệu đồng.

**BẢNG ĐẦU RA**  
**CUỘC ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**  
**NĂM 2024**

Bảng 1. Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo loại hình kinh tế và chức năng làm việc (Đơn vị tính: người)

Loại hình kinh tế	Tổng số	Chức năng làm việc		
		Cán bộ nghiên cứu	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên hỗ trợ
1. Tổng số nhân lực				
Có vốn đầu tư nước ngoài				
Ngoài nhà nước				
Nhà nước				
2. Nhân lực cho NC&PT là Nữ				
Có vốn đầu tư nước ngoài				
Ngoài nhà nước				
Của nhà nước				
3. Nhân lực cho NC&PT là Nam				
Có vốn đầu tư nước ngoài				
Ngoài nhà nước				
Nhà nước				

Bảng 2: Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo khu vực hoạt động và chức năng làm việc (Đơn vị tính: người)

Khu vực hoạt động	Tổng số	Chức năng làm việc		
		Cán bộ nghiên cứu	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên hỗ trợ
1. Nhân lực cho NC&PT				
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN				
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng				
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN				
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp				
Doanh nghiệp				
2. Nhân lực cho NC&PT là Nữ				
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN				
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng				
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN				
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp				
Doanh nghiệp				
3. Nhân lực cho NC&PT là Nam				
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN				
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng				
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN				
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp				
Doanh nghiệp				

Bảng 3. Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo vị trí hoạt động, độ tuổi và dân tộc (*Đơn vị tính: người*)

Vị trí hoạt động	Dưới 35 tuổi	Dân tộc ít người
Cán bộ nghiên cứu		
Nhân viên kỹ thuật		
Nhân viên hỗ trợ		

Bảng 4. Cán bộ nghiên cứu/kỹ sư/nhà khoa học theo trình độ, giới tính, loại hình kinh tế và chức danh (*Đơn vị tính: người*)

Loại hình kinh tế	Tổng số	Trình độ chuyên môn				Chức danh	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó giáo sư
<i>1. Cán bộ nghiên cứu</i>							
Có vốn đầu tư nước ngoài							
Ngoài nhà nước							
Nhà nước							
<i>2. Cán bộ nghiên cứu là Nữ</i>							
Có vốn đầu tư nước ngoài							
Ngoài nhà nước							
Nhà nước							
<i>3. Cán bộ nghiên cứu là Nam</i>							
Có vốn đầu tư nước ngoài							
Ngoài nhà nước							
Nhà nước							

Bảng 5. Cán bộ nghiên cứu/kỹ sư/nhà khoa học theo trình độ, giới tính, khu vực hoạt động và chức danh (*Đơn vị tính: người*)

Khu vực hoạt động	Tổng số	Trình độ chuyên môn				Chức danh	
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Giáo sư	Phó giáo sư
<i>1. Cán bộ nghiên cứu</i>							
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN							
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng							
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN							
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp							

<i>Khu vực hoạt động</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Trình độ chuyên môn</i>				<i>Chức danh</i>	
		<i>Tiến sĩ</i>	<i>Thạc sĩ</i>	<i>Đại học</i>	<i>Cao đẳng</i>	<i>Giáo sư</i>	<i>Phó giáo sư</i>
Doanh nghiệp							
<i>2. Cán bộ nghiên cứu là Nữ</i>							
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN							
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng							
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN							
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp							
Doanh nghiệp							
<i>3. Cán bộ nghiên cứu là Nam</i>							
Các tổ chức nghiên cứu KH&CN							
Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng							
Các tổ chức dịch vụ nghiên cứu KH&CN							
Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp							
Doanh nghiệp							

Bảng 6. Cán bộ nghiên cứu/kỹ sư/nhà khoa học theo lĩnh vực nghiên cứu, giới tính, khu vực hoạt động (*Đơn vị tính: người*)

<i>Lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
		<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
<i>1. Cán bộ nghiên cứu</i>						
1.1. Khoa học tự nhiên						
1.2. Khoa học KT và CN						
1.3. Khoa học y, dược						
1.4. Khoa học nông nghiệp						
1.5. Khoa học xã hội						
1.6. Khoa học nhân văn						
<i>2. Cán bộ nghiên cứu là Nữ</i>						
1.1. Khoa học tự nhiên						
1.2. Khoa học KT và CN						
1.3. Khoa học y, dược						

<i>Lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
		<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
1.4. Khoa học nông nghiệp						
1.5. Khoa học xã hội						
1.6. Khoa học nhân văn						
<i>3. Cán bộ nghiên cứu là Nam</i>						
1.1. Khoa học tự nhiên						
1.2. Khoa học KT và CN						
1.3. Khoa học y, dược						
1.4. Khoa học nông nghiệp						
1.5. Khoa học xã hội						
1.6. Khoa học nhân văn						

Bảng 7. Số nhiệm vụ thực hiện trong năm (*Đơn vị tính: nhiệm vụ*)

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
<b>Tổng số nhiệm vụ</b>					
<i>Chia theo cấp quản lý:</i>					
Cấp Nhà nước					
Cấp Bộ/ngành					
Cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương					
Cấp cơ sở					
Khác					

Bảng 8. Số nhiệm vụ thực hiện trong năm trong khu vực Tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (*Đơn vị tính: nhiệm vụ*)

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
<b>Tổng số nhiệm vụ</b>					
<i>Chia theo cấp quản lý:</i>					
Cấp Nhà nước					
Cấp Bộ/ngành					

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
Cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương					
Cấp cơ sở					
Khác					

Bảng 9. Số nhiệm vụ thực hiện trong năm trong khu vực Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp  
(Đơn vị tính: nhiệm vụ)

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
<b>Tổng số nhiệm vụ</b>					
<i>Chia theo cấp quản lý:</i>					
Cấp Nhà nước					
Cấp Bộ/ngành					
Cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương					
Cấp cơ sở					
Khác					

Bảng 10. Số nhiệm vụ thực hiện trong năm trong khu vực Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng  
(Đơn vị tính: nhiệm vụ)

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
<b>Tổng số nhiệm vụ</b>					
<i>Chia theo cấp quản lý:</i>					
Cấp Nhà nước					
Cấp Bộ/ngành					
Cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương					
Cấp cơ sở					
Khác					



Bảng 11. Số nhiệm vụ thực hiện trong năm trong khu vực Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ (Đơn vị tính: nhiệm vụ)

<i>Đề tài nghiên cứu do cơ quan chủ trì</i>	<i>Tổng số ĐT thực hiện trong năm</i>	<i>Trong đó: số nhiệm vụ từ nguồn ngân sách</i>	<i>Trong đó chia theo</i>		<i>Số đề tài đã nghiệm thu trong năm</i>
			<i>Số chuyển tiếp từ năm trước</i>	<i>Số được phê duyệt mới trong năm</i>	
<b>Tổng số nhiệm vụ</b>					
<b>Chia theo cấp quản lý:</b>					
Cấp Nhà nước					
Cấp Bộ/ngành					
Cấp Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương					
Cấp cơ sở					
Khác					

Bảng 12. Một số kết quả/sản phẩm của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo loại sản phẩm và khu vực thực hiện

<i>Loại sản phẩm</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
			<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
1. Số công nghệ mới/cải tiến đã được tạo ra/nâng cấp trong năm	<i>Công nghệ</i>						
- Trong đó: Số công nghệ mới/cải tiến đã được chuyển giao vào sản xuất	<i>Công nghệ</i>						
2. Doanh thu từ các hợp đồng chuyển giao công nghệ/kết quả nghiên cứu	<i>Triệu đồng</i>						
3. Số đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích	<i>Đơn</i>						
4. Số văn bằng bảo hộ được cấp	<i>Văn bằng</i>						
5. Số bài báo khoa học được công bố (trong nước và quốc tế)	<i>Bài báo</i>						

<i>Loại sản phẩm</i>	<i>Đơn vị</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
			<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
6. Số tiến sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	<i>Người</i>						
7. Số thạc sĩ được đào tạo trong năm thông qua các nhiệm vụ NC&PT	<i>Người</i>						

Bảng 13. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo khu vực thực hiện và loại hình kinh tế (đơn vị: triệu VND)

<i>Loại hình kinh tế</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
		<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
Có vốn đầu tư nước ngoài						
Ngoài nhà nước						
Nhà nước						
<b>Toàn bộ</b>						

Bảng 14. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo khu vực thực hiện và nguồn cấp kinh phí (đơn vị: triệu VND)

<i>Khu vực thực hiện</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Nguồn cấp kinh phí</i>					
		<i>Ngân sách nhà nước</i>		<i>Trường Đại học</i>	<i>Doanh nghiệp</i>	<i>Khác</i>	<i>Nước ngoài</i>
		<i>NS Trung ương</i>	<i>NS địa phương</i>				
Các viện, trung tâm NC&PT							
Trường đại học							
Cơ quan hành chính, Đơn vị SN							
Tổ chức DV KH&CN							
Doanh nghiệp							
<b>Toàn bộ</b>							

Bảng 15. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực nghiên cứu và khu vực thực hiện (đơn vị: triệu VND)

<i>Lĩnh vực nghiên cứu</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
		<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
Khoa học tự nhiên						
Khoa học KT, CN						
Khoa học y dược						
Khoa học nông nghiệp						
Khoa học xã hội						
Khoa học nhân văn						
<i>Toàn bộ</i>						

Bảng 16. Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo loại chi và khu vực thực hiện (đơn vị: triệu VND)

<i>Loại hình</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Khu vực thực hiện</i>				
		<i>Tổ chức NC&amp;PT</i>	<i>Cơ sở giáo dục đại học</i>	<i>Cơ quan HC, đơn vị SN</i>	<i>Tổ chức dịch vụ KH&amp;CN</i>	<i>Doanh nghiệp</i>
1. Chi đầu tư phát triển						
2. Chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN						
2.1. Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia						
2.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ						
2.3. Nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh						
2.4. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở						
2.5. Nhiệm vụ KH&CN khác						
3. Chi khác						
<i>Toàn bộ</i>						